TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 03-03-2022
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lý

Ông Võ Thành Trung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-DS ngày 01/10/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị MN, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt; Bị đơn Lê Văn M vắng mặt không có lý do; Nguyễn Thị MN có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 24/6/2021, vợ chồng ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị MN có vay bà T số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng. Khi

vay hai bên có lập hợp đồng mượn tiền, không có thỏa thuận về mức lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả tiền là ngày 04/7/2021. Khi đến thời hạn trả tiền vay trên, ông M và bà MN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với lý do gia đình đang gặp hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền để trả cho bà T.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình hòa giải, bà T khởi kiện yêu cầu ông M và bà MN có trách MN liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 04/7/2021 cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 1.67%/tháng. Tại phiên tòa, bà T rút yêu cầu buộc ông M, bà MN trả lãi.

Bị đơn – ông Lê Văn M vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2021:

Ông M thừa nhận có vay tiền của bà T số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 14/6/2021. Ông M vay để cho ông Nguyễn Văn Xồi và bà Phạm Thị Thanh vay lại lấy tiền lãi chênh lệch. Ông vay của bà T với mức lãi suất 2.500đồng/triệu/ngày và cho ông Xồi và bà Thanh vay lại với mức lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày. Từ ngày 14/6/2021 cho đến ngày 24/6/2021, ông M đã trả cho bà T 7.500.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 24/6/2021, ông có ký lại giấy nợ 300.000.000 đồng, hẹn 10 ngày trả nhưng do vợ chồng bà Thanh và ông Xồi đã bể nợ nên ông không đòi lại được tiền. Ông thừa nhận còn nợ bà T số tiền 300.000.000đồng. Số tiền ông M vay của bà T, vợ ông là bà MN không biết. Ông M yêu cầu khi nào lấy được tiền từ bà Thanh, ông Xồi sẽ trả cho bà T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị MN vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nhưng tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, bà MN có ý kiến như sau:

Bà MN và ông M đã ly thân từ năm 2017 đến nay, hai bên không liên lạc với nhau, ông M không ở nhà cùng bà MN, việc vay tiền của ông M bà không biết, bà MN cũng không sử dụng số tiền này nên bà không đồng ý liên đới cùng ông M để trả nợ cho bà T.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa đối với ông Lê Thanh Hóa, trưởng ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa xác nhận ông Lê Văn M làm cò lúa, môi giới đất, môi giới vay tiền ngân hàng để hưởng chênh lệch. Ông M và bà MN đã sống ly thân khoảng 5 năm nay. Ông M không sinh sống tại nhà ở ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa mà sống ở nhà em của ông M ở ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 24/6/2021, Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai đối với ông Lê Văn M, bà MN; biên bản xác minh về quan hệ hôn nhân của ông M và bà MN.

Nội dung các đương sự thống nhất: Biên nhận nợ ngày 24/6/2021; Ông M còn nợ bà T số tiền 300.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 24/6/2021, ngày trả 04/7/2021. Khi vay nợ bà MN không biết, không ký giấy nhận nợ.

Nội dung các đương sự không thống nhất:

Nguyên đơn yêu cầu ông M, bà MN liên đới trả nợ.

Bị đơn ông M đồng ý trả cho nguyên đơn khi nào lấy lại được tiền đã cho ông Xồi và bà Thanh vay lại.

Bị đơn bà MN không đồng ý liên đới cùng ông M trả tiền cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông M trả 300.000.000 đồng tiền gốc. Không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc bà Nguyễn Thị MN có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Lê Văn M trả nợ cho bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay với bị đơn, các đương sự đều cư trú tại huyện Thạnh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị T và bị đơn Lê Văn M đều thống nhất, ông M có vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng, vay ngày 24/6/2021, hẹn đến ngày 04/7/2021 sẽ trả nhưng ông M không thực hiện như cam kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu trả 300.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ chấp nhận. Việc, ông M cho rằng số tiền này ông đã cho ông Xồi và bà Thanh vay lại, khi nào ông Xồi và bà Thanh trả lại cho ông thì ông sẽ trả lại cho bà T là không có căn cứ chấp nhận, ông M có quyền khởi kiện ông Xồi và bà Thanh bằng vụ án khác nếu có căn cứ cho rằng quyền lợi của ông bị xâm phạm. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông M bán ghe để trả nợ, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên không được xem xét.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Ông M cho rằng đã trả cho bà T số tiền 7.500.000 đồng tiền lãi nhưng bà T không thừa nhận. Ông M cũng không có chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi cho bà T nên không có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền đã vay nên HĐXX không xem xét giải quyết..

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà MN liên đới trả nợ vay: Xét thấy,

mặc dù đây là khoản nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông M và bà MN nhưng khi vay chỉ có ông M ký tên, bà MN không biết. Vợ chồng ông M và bà MN đã sống ly thân từ năm 2017. Ông M không sống cùng bà MN, không có cơ sở xác định bà MN có sử dụng số tiền này. Đây cũng không thuộc trường hợp vay mượn nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, không có căn cứ để buộc bà MN liên đới cùng ông M trả nợ tiền vay cho bà T.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị MN.

Buộc ông Lê Văn M phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Trong trường hợp người phải thi hành án chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị MN cùng với ông Lê Văn M liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị T.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Văn M phải nộp số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tại lai thu số 0010753 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Thạnh Hóa, Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC.THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thúy Lành